

NAM HÀ TIỆP LỤC

QUYỂN HAI

VĂN TẬP

Thư tuyền (Tuyền các bức thư)

Phục Nghị Vương tuyền dụ thư

(Thư phúc đáp lời tuyền dụ của Nghị Vương)

Nguyên chú: Năm Ất Sửu [1625], Nghị Vương [Trịnh Tráng] đặc sai triều thần mang thư đến dụ chúa Nguyễn. Đoan [Kd: Thụy] quận công [Nguyễn Phúc Nguyên] soạn thư phúc đáp lại.

[Thư viết bằng chữ Nôm, phiên âm như sau]:

Đại nguyên soái thống quốc chính tôn phủ chiếu kiến:

Tài tuy đồng bên văn bên võ, đạo chẳng qua chữ hiếu chữ trung.

Trời sinh nước An Nam, chịu khí nước An Nam, làm trai nước An Nam, tướng quân mặt ấy, min⁽¹⁾ mặt ấy.

Làm tôi vua Thái Tổ, ở thờ vua Thái Tổ, tận trung vua Thái Tổ, tướng quân lòng nào, min lòng nào. Hoãn cấp đã từng, hiểm nguy hằng trải.

Trước nghịch Tung [Kd: Cảo]⁽²⁾ làm loạn Chu Thử;⁽³⁾ muôn dân đều chịu lầm than.

Sau Ngạn, Mậu [Kd: Nga]⁽⁴⁾ dấy loạn Vương Đôn;⁽⁵⁾ đôi chốn xui nên binh hỏa.

Tay phải đánh tay chiêu, đau cùng đau cả,

Quân ngoại đánh quân nội, thiệt cũng thiệt chung.

Cho nên phân bờ nọ cõi kia, tượng vì bởi ăn cùng nói khác.

Sương che doanh Liễu,⁽⁶⁾ tai từng nghe hiệu lệnh tướng quân; Mây ngất điện Rồng, mặt nào thấy chiếu thư thiên tử.

Nuôi sĩ bốn phương, đãi sĩ bốn phương, vì cơn có ấy;

Lấy quân ba phủ, đánh quân ba phủ, hầu chước tài nào.

Hay Xuân Thu, tội Xuân Thu, gương vâng thánh trước;

⁽¹⁾ Min: tức là tôi.

⁽²⁾ Tức Trần Cảo, xem chú 2 tr.10.

⁽³⁾ Chu Thử làm loạn, đem binh vây Đường Đức Tông ở Phụng Thiên. Sau bị giết.

⁽⁴⁾ Tức Phan Ngạn và Ngô Đình Nga, nổi loạn ở cửa biển Đại An, Nguyễn Hoàng mượn có đem quân đi đánh dẹp, rút về Thuận Hóa.

⁽⁵⁾ Vương Đôn (266-324), tự là Xử Trọng, người Lâm Nghi, Sơn Đông, quyền thần, tướng lĩnh nhà Đông Tấn, muốn soán ngôi vua, nhưng Tấn Minh Đế đánh dẹp được.

⁽⁶⁾ Doanh Liễu: điển Chu Á Phu đóng quân ở doanh Tế Liễu, kỷ luật nghiêm minh.

Đãi quốc sĩ, báo quốc sĩ, tiết học hiền xưa.
 Chẳng bằng tới hội Đồng [Kđ: Cồ] Lãng,⁽¹⁾ tua hợp binh Xích Bích.
 Phải liều ra sức Chu Công,⁽²⁾ diệt loài đảng ác, rạch thịt Hoàn [Huyền]⁽³⁾
 bêu đầu Vương Mãng,⁽⁴⁾ đem lại Thần kinh.
 Miếu đường y quan, triều đình lại triều đình cũ;
 Vương hầu tướng tướng, công nghiệp hơn công nghiệp xưa.
 Nay phụng đáp.

Phục Việp công đệ nhất thư
 (Thư trả lời thư thứ nhất của Việp công)

Nguyên chú: Việp công đến Nghệ An, ủy cho Lê Quốc Đống, Phạm Công Thủ mang thư đến Bồ Chính, ném xuống sông Gianh nói rằng: “Sẽ đem quân đến giúp”. Trương Phúc Loan tự viết thư để trả lời.

Kính dâng trước đài Quốc lão⁽⁵⁾ xét soi.

Vào hạ tuần tháng 6 năm nay, đội ơn Quả quân giao phó, tôi đã tiếp được văn chương hoa lệ, cung kính đọc, mới hiểu sâu rằng: đáng Vương thượng [chỉ chúa Trịnh] ở Thượng quốc đã mở ra tình thân hòa mục với bà con họ hàng, mềm dẻo với phương xa, thương xót láng giềng. Lòng chân thành bộc lộ trong ngôn từ. Không coi nhau như nước Tần nước Việt, mà thương yêu nhau như nước Vệ nước Lỗ. Thật cảm kích khôn xiết.

Xót từ khi Tiên vương của tể ấp luôn phò tá bên tả bên hữu hoàng đế, bắt chước cái nghĩa phụ dục nhà Chu, nên đã được ban cho đất đai. Ý cũng muốn đời đời gần gũi cùng nhau, cho đến khi non mòn sông cạn. Hiềm Trường giang đã giới hạn, Bắc Nam mỗi bên ở yên vô sự. Mà xe cùng trục, sách cùng một thứ chữ như xưa, há đợi cùng thề, để rồi sau đó lại cùng thù ghét nhau sao? Giờ đây bọn con đồ ở Tây Sơn lộng gươm giáo trong ao, chúng tôi đã nhiều lần đem lời khuyên nhủ và đã hai lượt dùng binh. Ngặt chúng vẫn cứng đầu chưa đổi, [.....]⁽⁶⁾ tin tức loan xa, càng thêm nỗi lo cho Vương thượng ở Thượng quốc. Nếu như lấy binh lực của tể ấp để tiêu trừ bọn chúng thì cũng giống như lấy lửa mà đốt lông, lấy nước sôi đổ vào tuyết vậy, hà tất phải nhiều ngày. Nhưng nghĩ đến gươm giáo là hung khí, chiến tranh là mối nguy, lúc giao phong thì dân đen vương hại biết bao nhiêu. Cho nên tùy lúc gỡ mối nghi sao cho kịp để mong yên ổn, gọi là dùng binh không đổ máu là tốt hơn cả. Cần gì lao nhọc Thượng quốc đem binh.

⁽¹⁾ Cổ Lãng: nơi Hạng Vũ bị Hán Cao Tổ đuổi đến.

⁽²⁾ Chu Công, tên thật là Cơ Đán, người có công lớn giúp Chu Vũ Vương diệt vua Trụ, lập nên nhà Chu.

⁽³⁾ Hoàn Huyền: loạn thần đời Tấn An Đế.

⁽⁴⁾ Vương Mãng (45TCN-23SCN), người cướp ngôi nhà Tây Hán, lập ra nhà Tân trong lịch sử Trung Quốc.

⁽⁵⁾ Túc Chuồng phủ Đại tư đồ Quốc lão Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc.

⁽⁶⁾ Có 4 chữ: “thất tuần cự ý”. Do không rõ nghĩa nên không dịch.

Cúi đọc trong thư, có nói: “Đức Chiêu Tổ Khang Vương [Trịnh Căn] nghĩ đến cơ nghiệp, nghĩ đến các bậc thân huân cùng vui với nước nhà. Cho nên bỏ bớt đất Thuận Quảng là để đời đời phụng thờ Tiên công, từ nay về sau không bao giờ lấn chiếm”. Những lời tấu ấy dầu trăm năm sau vẫn còn thâm cảm.

Lại có nói: “Nếu như tề ấp đã đánh lui được quân địch, thu lại cõi bờ xưa, thì Thượng quốc sẽ rút quân về kinh đô, không đưa quân trở lại”.

Lại nói rằng: “Quân giặc đắc chí thì Thượng quốc sẽ đưa quân vượt sông để tiêu trừ bọn chúng, để bảo tồn cơ nghiệp, theo đúng đạo thường, chứ không có lòng hân hoan trước tai họa”. Đó là điều mà bậc nhân nhân quân tử thường làm, thấy được gan ruột của họ. Như thế thì còn nghi ngờ gì.

Việc làm như thế, tấm lòng như thế, thì nên bỏ giáp dừng binh, để xem sự đại định, để đợi báo tin công lớn, để tỏ sự mừng vui trong tình đồng thân. Xin đem của mọn để ủy lạo sự nhọc nhằn của vương sư. Đó là lòng trông mong sâu sắc của chúng tôi.

Từ nay về sau nếu bọn cướp Tây Sơn, tiến quân khoe mẽ, ương ngạnh chẳng dừng, dù Thượng quốc không có lòng đến giúp, thì chúng tôi vẫn năn nỉ đến cầu. Hướng chỉ tình phân ưu ngán địch đáng cho chúng tôi vui mừng chín mười phần gấp bội.

Xin tỏ rõ lòng dạ và cầu mong soi xét.

Phục đệ nhị thư

(Trả lời thư thứ hai)

Nguyên chú: Đây cũng là tờ thư của Trương Phúc Loan ủy cho Cai đội Quý Lộc hầu, Câu kê Kiêm Long tử đem 30 con trâu mộng, 30 vò rượu, 30 bao gạo nếp cùng với bức thư đến phúc đáp.

Nay hai lần chúng tôi nhận lời ngọc, nói đủ về tình thương hòa mục trong bà con họ hàng, ngăn giặc cùng mối thù chung. Đây là những lời ân tình vàng đá, ghi khắc không dứt. Đến như quân giặc dữ Tây Sơn, cú beo họp đàn, múa may mấy năm cũng đã khá lâu. Há nên nhiều lời đánh dẹp, nở nào đặt chúng ra ngoài dân của phương xa.

Vả lại trời sinh ra dân, ắt có người chăn dắt. Có kẻ ngang ngạnh đối với vật, thì ắt phải giận dữ quát mắng, có kẻ ngang ngạnh đối với dân thì ắt phải ra oai mạnh mẽ. Há đâu chỉ chuyên dùng lời giảng giải. Nếu để cho dân đen con đỏ phải chìm đắm trên cạn, thì người chăn dân sẽ như thế nào. Sau đó lại bảo: “Việc báo tin thắng trận, chưa rõ đến ngày nào”. Nhìn lại việc dùng binh (của Chu Vũ Vương) dù đã hội họp ở Mạnh Tân,⁽¹⁾

⁽¹⁾ Mạnh Tân: ở Hà Nam, nơi hội quân của Chu Vũ Vương và 800 nước chư hầu, làm lễ thể đánh Trụ Vương.

nhưng việc chiến thắng ở Mục Dã⁽¹⁾ cũng chẳng có định kỳ. Nay chúng tôi đã xây dựng đồn doanh, quan quân đã đưa quân cần vương, cũng như nước từ trên đổ xuống, đã thu phục được tám chín phần mười các phủ. Nay chính là lúc đốt sạch lông, làm tan tuyết. Duy chỉ một vài chỗ hiểm trở, nhưng rồi sớm muộn cũng thu phục toàn cõi. Lúc đó tin đại thắng sẽ báo ngay. Hiện nay bọn giặc dữ trong sớm hôm sẽ bị diệt, há dám đâu so sánh với ánh sáng của sao chổi, chúng không thể lọt ra ngoài lưới vây kinh ngạc. Liệu chúng nó thể cùng lực tận, sẽ chuyển vận của cải cướp bóc, chạy trốn nơi hang hốc. Chúng tôi lại được sự giúp đỡ của các phiên thần phụ thuộc, đã gọi binh mọi ở các sách chặn vùng thượng đạo, hang ổ của bọn Tây Sơn tất thấy bị quét xong.

Trong thư còn nói: “Bọn cướp núi hung hãn, chưa xét được tên họ quê quán, chúng tụ tập ở nơi nào, đâu là sở trường của chúng”. Bọn chúng rày đây mai đó, thay đổi danh hiệu, ngụy tạo chức tước chưa thể xét được. Chúng lại liên kết với bọn dân ta,⁽²⁾ trai Mán, người Đường, chuyên đi cướp bóc là giỏi nhất, khiến người hòa theo chúng, giấu cả tên họ chẳng biết là ai, cốt là dọa người cướp của, xâm lấn thành trì, nở nào xuôi tay bằng quan, mặc cho bọn chúng tung hoành. Là cha mẹ dân, sao có thể thế được.

Trong thư còn trách chúng tôi chỉ sai cấp dưới phúc đáp thư từ mà chưa dám đích thân đệ đạt. Hiện nay, Vương thượng cũng như tể ấp chúng tôi đều đội ơn thịnh đức của Tiên tổ, ban cho đất đai, chia ra nơi ở, đời con cháu giữ nguyên chính sóc. Thẳng hoặc Hoàng thượng [chỉ vua Lê] ban chiếu chỉ, Vương thượng ra lệnh thì tể ấp chúng tôi đâu dám sai bọn liêu tá phúc đáp. Từ xưa chư hầu có 5 bậc như Tống công, Lỗ hầu, Vệ bá, Sở tử, Trịnh nam cho đến các nước phụ thuộc, địa thế rộng hay hẹp, binh giáp, trục xe, sách vở, của cải, thuế khóa xuất nhập lớn nhỏ không đồng đều. Đạo vua tôi, cha con là lẽ trời, lòng người, sáng tỏ bất diệt. Hai lần xem xét tình cảm ấy, nghĩa cử ấy, cùng thân thuộc, chung kẻ thù, chúng tôi bội phục không quên. Có thể gởi vào trong tiếng sáo tiếng đàn, cùng sánh gần dài.

Cúi đọc càng ngợi ca “Vương thượng có thịnh ý phát triển tình thân” (câu này trong thư của Việp công), lời lẽ thấm vào gan ruột. Chúng tôi mười phần vui sướng. *Kinh Thi* có nói: Tình anh em vững như bức tường, quyết ngăn kẻ thù bên ngoài, thật đáng tin chẳng hề vu khoát. Xin hãy cho lành nhọt cũ, sẽ báo tin chiến thắng. Nay kính dâng lễ vật, trên là để báo đáp lòng nhân che chở bao hàm của Hoàng thượng và Vương thượng, dưới là để an ủi sự gian nan bằng ngàn vượt tuổi của Quốc lão. Còn như lòng tốt vun đắp tình thân, may sẽ có hạn kỳ. Non Thái Sơn, sông Hoàng Hà, lời nói này như cũ.

⁽¹⁾ Mục Dã: ở tây nam huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam, cách kinh thành Triều Ca của Trụ Vương 70 dặm.

⁽²⁾ Nguyên văn: “Hoa dân” chỉ dân Kinh. Người Đường là người Hoa.

Đệ tam thư

(Thư thứ ba)

Có sách nói: Việc công không có thư trả lời, chỉ dặn Quý Lộc hầu trước khi về, nói: “Trong 12 ngày phải có thư trả lời. Nếu không, sẽ cho quân vượt sông”. Có sách nói: Chỉ có Việc công đưa thư đến. Không có thư phúc đáp.

Phục đệ tứ thư

(Trả lời thư thứ tư)

Nguyên chú: Việc công cho quân qua sông, ủy cho Nguyễn Bảo Trà và Trịnh Nhuận mang thư vào Phú Xuân, nói rằng: Lần này quan quân đến, chỉ để hỏi tội Phúc Loan và giúp đánh (Tây Sơn). Quốc vương nghe đại giá thân chinh, bất đắc dĩ phải sai Chưởng cơ Triêm Long hầu Nguyễn Phúc Triêm, Cai cơ Tô Nhuận hầu đưa Phúc Loan đến quân thứ, và mang vàng dâng lên.

Phụ trách chặn dắt các xứ Thuận Hóa, Quảng Nam Nguyễn [Phúc Thuận] xin có lời phúc đáp đến ngài Thượng tướng quân Quốc lão của Thượng quốc biết cho. Nay nhận được văn thư do ngài ủy sai đến. Trong thư thuật lại đầy đủ căn do. Có nói rằng: “Đưa quân đến là để cứu vớt gian truân, chứ chẳng phải mưu đồ hại nhau”. Ngửa trông biết rõ Hoàng thượng nghĩ đến con cháu của bậc huân thần, Vương huynh nghĩ đến bà con thân thích, cùng với việc Quốc lão xuất binh hộ vệ, cũng chỉ vì có bọn ngụy Nhạc, thật cảm kích xiết bao. Đó là xuất phát từ chân tình yêu thương bà con, thương xót lúng giềng. Dám xin phiền Quốc lão dừng binh tại đây, chuyển tâu lên Hoàng thượng, và Vương huynh ra chỉ chuẩn cho vâng theo. Vả lại nay Quốc lão đã đem binh vào cõi, tất cả hiệu lệnh binh chính, phép tắc ràng buộc thế nào, xin tuân theo chỉ thị, ngõ hầu dân đen con đỏ một phương khỏi phải hoảng hốt trôi giạt.

Còn như việc tiêu trừ bọn nghịch Nhạc, hãy lưu cho tuần nhật, chúng tôi sẽ sai người đánh bắt. Loại nào nhãi nhép thì bắt cầm tù, khỏi phải nhọc nhằn binh giáp của Thượng quốc. Nếu như khó khăn trong việc chế ngự bắt giữ bọn chúng, lúc đó sẽ xin tỏ bày, xin lượng cho cũng chưa muộn. Cầu mong che chở.

Lại xin ủy phái bộ mang lễ vật dâng lên. Mong ngài thu nạp. Nay thư.

Phục đệ ngũ thư

(Trả lời thư thứ năm)

Nguyên chú: Triêm Long hầu cáo từ trở về. Việc công viết thư gửi vào. Quốc vương sai Cai đội Tuyên Chính hầu Nguyễn Phúc Tuyên, Tham mưu Thành Đức hầu Lê Văn Thông mang thư đến quân thứ Dinh Cát. Trong bản tâu và tờ khai đều xưng là biên thần, thư trả lời xưng là quốc thích.

Từ thuở xưa Tiên công thụ phong vào trấn (hai xứ Thuận Quảng) đến nay đã 6, 7 đời, nối chức coi việc hai xứ đã hơn 200 năm, mỗi bên đều yên

trong cõi của mình, không nói đến việc binh nhung. Cũng là do đội ơn Hoàng thượng thương đến con cháu của bậc huân thần, không nỡ giận dữ trách móc. Lòng nhân che chở, sánh với trời cao chẳng cùng. Và Vương thượng đoái đến bà con họ ngoại, không nỡ xem như gai góc. Cái đức bao hàm ấy, đất cũng không bằng. Cho nên dân hai xứ Thuận Quảng đều yên vui cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, không gây sự chiến tranh. Ấy cũng là nhờ ơn chu toàn của Thượng quốc đối với dân đen con đỏ ở vùng đất phía Nam này.

Nay họ ngoại chúng tôi trẻ thơ gánh việc, phàm việc được mất của binh nhung chính sự, cảnh đau khổ của dân gian chưa hề từng trải. Đáng sợ thay, mua dây mực buộc xe sáu ngựa, nên Trương Đạt (Phúc Loan) vốn là người cậu lập công có tuổi, được làm sư phó. Tất cả công việc đều phó thác không nghi ngờ. Nào hay Trương Đạt là một kẻ tiểu nhân, đã coi thường họ ngoại là ấu thơ, nên che lấp nhiều điều. Lại còn miệt thị đồng liêu, coi là thủ hạ nên mặc sức tung hoành. Vợ vét hết máu mỡ dân, đứng nhìn con người đang chết. Hao tổn hết sức quân, mưu làm béo mập cho nhà mình. Nói đến lời này, ăn năn đau kịp.

Nay Quốc lão sai người đến báo. Trong thư có nói: “Dem quân vào cõi, trước là trừ khử tên giặc Trương Đạt, sau là tiểu trừ Biện Nhạc điên cuồng để đem lại bình yên cho dân đen con đỏ”. Đó là trời đã mượn tay Quốc lão, để đem lại sự bình yên cho dân hai xứ Thuận Quảng. Như thế xứng là anh hùng, nên khắc tên vào núi Yên Sơn.

Vả lại, đại thế trong thiên hạ hợp lâu thì chia và chia lâu thì hợp. Cứ lấy thời Tiên tổ mà bàn, thì Tiên tổ cũng có việc xảy ra đối với Tiên tổ, họ ngoại chúng tôi sao lại liên can? Người xưa bảo quân tử không yên lòng. Mong hãy lượng thứ cho.

Trong thư lại nói: Có thể cho một vài người bà con trọng vọng đến khai nạp ghe thuyền, voi, súng, đập bằng Lũy Thầy, và niêm phong tài sản của Trương Đạt. Phàm châu báu vàng bạc đồ đạc, tiền thóc và voi ngựa, thuyền súng các hạng đều phải đem giao nộp. Nhưng các vật hạng trên ở tại hai xứ còn rải rác, và việc dẹp giặc cướp chưa thể xong xuôi trong một vài ngày, tạm cho chờ sau khi hoàn tất, xem xét thực số bao nhiêu, viết vào sổ bộ chuyển nạp. Còn tài sản của Trương Đạt vẫn niêm phong như cũ, để xét cho kỹ. Nếu như tiền thóc của y đã được chuẩn cấp phát cho quân dân để an ủi họ thì thôi.

Còn như các viên công tặc, các viên tướng tá, nếu một lòng thuận theo vương triều, thì sẽ cho vọng tạ. Đó là cái uy tốt đẹp của trời để cứu mệnh mạch sinh linh hai xứ Thuận Quảng.

Cầu mong soi xét, thấy rõ lòng dạ của chúng tôi.

Dụ tuyển (Tuyển các bài dụ)

Đoan quốc công từ

(Lời dụ các tướng tá của Đoan quốc công Nguyễn Hoàng)

Trời sinh ra bậc chủ tướng, triều đình phải có người. Không được đem lòng dòm ngó.

Dụ thập tam đạo

(Dụ mười ba đạo [ở Bắc Hà])

Nguyên chú: Đức Vương thượng đã thu phục Gia Định, bèn nhắm Phú Xuân tiến phát, đặc sai một viên quan đi trước ra tuyên dụ.

[Bài dụ viết bằng chữ Nôm, phiên âm như sau]:

Tượng măng: Máy tuần hoàn một lẽ xưa nay, loạn thôi lại trị.
 Đấng hào kiệt vốn lòng trung nghĩa, xa cũng như gần.
 Việc chung toan cậy kẻ lo cùng; nghĩa cả tỏ cho người biết khắp.
 Ta nay vâng đền Hiến thánh, nối nghiệp tiên triều.
 Từ nước nhà gặp bước gian truân, giữa vận chẳng an nên nếp cũ.
 Nhờ thiên đạo có lòng quyền hựu, trở ngày đem lại cõi bờ xưa.
 Việc cần lao mưa nắng chẳng sờn, lòng trung nghĩa sớm khuya dám chối.
 Mưa gió đòi phen báo trả, bụi rơi bóng thúy nẻo cùng biên.
 Cung tên mấy trận xông pha, bùn nhuộm vó câu bên viễn tái.
 Nuôi sức để toan gây thế cả, thề lòng quyết chẳng đội trời chung.
 Nay tặc cừu đại thế đã cheo leo, mới biết lòng trời hầu muốn trị.
 Mà trung ngoại nhân tình đều náo nức, hẳn là thế nước đã hầu an.
 Tuồng chỉ mắng sửa một đoàn ngậy, cậy có vuốt nanh hai đứa cả.
 Chúng đã mở bè kia đảng nọ, ngang vai một lứa những râu râu.
 Kẻ thời cừu hiềm cũ thù xưa, xem dạ bốn phương đều óng óng.
 Vui tỏ ra chiều yên ắng, ghé giường há để khách nằm.
 Cuộc vạn toan đã dựng chước trong màn; binh tứ khắc mới buông oai ngoài cõi.

Trước là rắp phò nghiêng chở đỡ,⁽¹⁾ nghĩa tôn Chu cho trời đất sáng soi.
 Sau những toan dập chấy vớt chìm, công tạo Hạ để thần nhân ngộ thấu.
 Bếp lạnh thổi lò Lưu thị, dòng sâu dựng cọc Hoàn Văn.⁽²⁾
 Mũi gươm thiêng quét sạch đỉnh non Kỳ, hang thẳm tan tàn loài cáo thỏ.
 Cánh buồm nhẹ thoảng dong buồm bến Chử, rạch không xô xát lũ kinh ghê.

Sự hưng vong đã hẳn lý tất nhiên, đường nhân bạo lại tỏ cơ bất định.
 Mọn mảy vẽ chi một đẩy, kíp chầy hẳn tới Trung đô.

⁽¹⁾ Bản chép ghi chữ *bắc* 北, ngờ là chữ *đỗ* 杜 bị ghi nhầm.

⁽²⁾ Ý phục hưng đất nước như Lưu Tú, như Tể Hoàn Công, Tấn Văn Công.

Bộ đã cài Chiêm quốc, Cao Miên, để phân đạo tùy nghi già tiệt.⁽¹⁾
 Thủy lại cùng Tây dương, Nhật Bản, lại giúp oai ngăn nẻo thon von.
 Chờ cho Nam thuận mới buông lèo, chẳng để Tây cừ còn lọt lưới.
 Ai nấy là người vương thổ, còn nợ đế thần.

Kẻ nào vì hai chữ công danh, thời phong vân mấy hội tao phùng, phải
 ra sức để sáng ghi thẻ trúc.

Kẻ nào ráp một lòng trung nghĩa, thời Lê Nguyễn chung bề hưu thích,⁽²⁾
 nên vì ta mà năng nổ cung dâu.

Hắn bên lòng trung nghĩa tạc gan vàng.

Hắn đồng lập công danh ghi khoán sất.⁽³⁾

Kẻ hào kiệt nghĩ đi cho chín, liệu cơ mà tùy thế tựu công.

Nghĩa tòng địch xem sẵn mới bề,⁽⁴⁾ đừng lăm le hướng minh bội ám.⁽⁵⁾

Hưu

Phiên âm⁽⁶⁾

(Đức Lệnh khắc phục Phú Xuân, mệnh cái viên nghệ Lê cố thần Thúc Địa quan tuyên dụ)

Cái văn: Đại lai tiểu vãng, nãi hoàng thiên luân hoán chi cơ. Âm thịnh
 dương vi, chính quân tử kinh luân chi nhật.

Bàng quan vãng triệt, quyết hữu minh trưng.

Nghệ soạn khung đồ, Hạ Thiếu Khang tái tạo.

Mãng gian thiên vị, Hán Quang Vũ trùng hưng.

Tòng lai [tiếm] đỉnh chi phu, định hữu minh di chi hội.

Ngã Thái Tổ kinh dinh đại nghiệp, bửu [kiếm] lạc Ngô nhân chi phách,
 Lam Sơn thảo mộc nhan khai.

Kỵ Thánh Tông triệu toản hồng đồ, kim qua khuynh Chiêm khấu chi
 sào, Quế Lĩnh mao nghệ vọng toại.

Nhân tiệm nghĩa tỵ, tổ triệu tông bồi.

Lục thất tác hiền quân, thế vô thất đức.

Bách dư niên bình trị, nhân bất tri binh.

Khởi kỳ hoàng ốc khả khuy, trí sử Hồng cân đắc nhập.

Phụ ông ngã triệu thứ, thần thiếp ngã sinh linh.

Diên ký thuế nhi cánh trưng, sảo hoãn thống gia chủy sở.

Dân ký binh nhi hựu dưỡng, thiếu khoan phản nhục già giang.

Chỉ duy tư ngược tư tàn, ninh thức dẫn điềm dẫn dưỡng.

(1) Có nghĩa là ngăn chặn.

(2) Bà con tốt đẹp bên ngoại.

(3) Bản chép ghi chữ *tiêu khoán*. Do phép đối nên khảo đính lại.

(4) Bề: tốt đẹp.

(5) Ngoài mặt theo chỗ sáng, sau lưng dựa chỗ tối.

(6) Do số trang tạp chí có hạn, chúng tôi chỉ đăng phần phiên âm của những văn bản cần thiết. BBT.

Khu thể thù nghi mộc thạch, hà khốc doanh Tần thị chi tai.
 Tiền tài bất thị nê sa, tru cầu quyết thương nhân chi vọng.
 Thần nhân chi sở cọng oán, thiên địa chi sở bất dung.
 Dư, triệu tính hàm ngưng, tam linh hiệp khai.
 Ngưỡng tịch Tiên quân chi khánh [diễn], dịch tượng tri oai.
 Dao bằng lân quốc chi thanh phong, tỳ hưu biến thái.
 Quyết lâm hữu tiết, hà hiểm bất di.
 Yển Chân Lạp chi giáp binh, ký phu sĩ khí.
 Phú Đồng Nai chi tiền túc, khởi pháp quân nhu.
 Nhất huy nhi Thiếu phó thành cầm, tái cử Tư đồ thất thế.
 Sư thuyền khổng Giao cung nhi cộng khóa, Phú Xuân thác cừu dư đồ.
 Tào tốt du Quy Lĩnh dĩ suyễn phi, Hoành đảo sinh tân thảo mộc.
 Nhị xứ hành khan đăng định, bát hoang chỉ kiến thanh bình.
 Đài đầu lân giới y thường, hạp tảo đề binh, cộng trực thê cung chi lộc.
 Xúc mục tinh chiên văn vật, ninh trì thức kiếm, tề canh du tạc chi ngư.
 Cầu hoặc muội ư tiên cơ, khủng hữu di ư hậu hối.
 Hữu năng bạt thành hãm trận, công danh trúc bạch Hán vân đài.
 Hữu năng đả trấn công đồn, tính tự kỳ thường Đường kiệt các.
 Tối nhĩ lập công chi hội, khâm tai phản chính chi kỳ.
 Tư bố hịch văn, sử chu văn kiến.

Dịch nghĩa

Lại một bài nữa

Nguyên chú: Sau khi Vương thượng thu phục thành Phú Xuân, đã sai một viên quan đến gặp bề tôi cũ của nhà Lê là Thúc Địa⁽¹⁾ tuyên dụ.

Từng nghe: Việc lớn đến, việc nhỏ đi, là máy chuyển vần của trời cao. Âm thịnh, dương suy, đó là lúc người quân tử phải kinh luân.

Nhìn xem vết bánh xe trước, ắt có chứng cứ rõ ràng. Hậu Nghệ soán ngôi, thì Hạ Thiếu Khang tái tạo; Vương Mãng tiếm vị, thì Hán Quang Vũ trùng hưng.

Xưa nay bọn tiếm ngôi trời, ắt gặp vận “minh di”.⁽²⁾

Vua Thái Tổ ta mở mang nghiệp lớn, kiếm báu làm quân Tàu mất vía, cây cỏ Lam Sơn nở rộ.

Đến Thánh Tông rộng mở cơ đồ, giáo vàng làm giặc Chiêm ngã nghiêng sào huyết, trẻ già non Quế thỏa lòng.

Nhân nghĩa thấm nhuần, tổ tông xây đắp.

Sáu bảy đời làm vị chúa hiền, đời không mất đức;

Hơn trăm năm bình trị, dân chẳng biết binh đao.

⁽¹⁾ Chúng tôi không rõ về nhân vật này.

⁽²⁾ Quê Địa hỏa minh di trong *Kinh Dịch*, chỉ thời vận xấu, gặp gian nan.

Nào ngờ nhà vàng lọt được, khiến cho Khăn đỏ⁽¹⁾ kéo vào.
 Làm cha ông của triệu dân, bắt dân đen làm tôi tớ.
 Ruộng đã nộp thuế mà lại trưng tô, nếu chậm thì đau vì roi vọt.
 Dân đã vào lính mà lại phải nuôi quân, chút khoan tha lại bị gông cùm.
 Chỉ cốt hung hãn bạo tàn, đâu biết yên dân nuôi dân.
 Thân thể đâu phải là gỗ đá, tàn khốc đầy tai vạ họ Tần.
 Tiền tài nào phải cát bùn, đòi hỏi làm dân buôn oán thán.
 Thần và người cùng oán giận, trời và đất chẳng dung tha.
 Ta, trăm họ hướng về, ơn thiêng chỉ lối.
 Trên nhờ ơn đức của Tiên quân, trạm dịch ngựa voi biết sợ.
 Xa cây tiếng tăm của lân quốc, gấu chồn biến sắc.
 Dịch đến đâu thì chặn đó, nơi nào hiểm trở chẳng yên.
 Đẹp quân binh Chân Lạp, sĩ khí đã phô bày; giàu tiền thóc Đồng Nai,
 quân nhu nào thiếu thốn.
 Hươu kiếm thì Thiệu phó bị bắt, giương đao thì Tư đồ thất thế.⁽²⁾
 Chiến thuyền chặn hang thường luồng khóa chặt, thành Phú Xuân lấy
 lại cơ đồ.
 Quân thủy vượt núi Quy Lĩnh⁽³⁾ đánh gấp, đèo Ngang cây cỏ lại mọc
 xanh tươi.
 Hai xứ đã dẹp yên, tám cõi xa thanh bình.
 Ngẩng đầu võ tướng văn quan, để sớm đề binh, cùng đuổi loài nai lẩn trốn.
 Ngược mắt tanh tao hay văn vật, há chậm lau gương, để chặt loài cá
 đào hang.
 Nếu mờ tối khi trù tính trước, e để lại hối hận về sau.
 Ai có tài hãm thành phá trận, công danh ghi chép Văn đài nhà Hán.
 Ai khá giỏi đánh đồn áp trấn, tên họ chép trên lá cờ nơi gác lớn
 đời Đường.
 Hãy gắng theo vận hội lập công, kính vâng hạn kỳ phản chính.
 Nay công bố hịch văn, để khắp nơi nghe rõ.

Cáo tuyên (Tuyên các bài cáo)

Bình Tây đại cáo

Phiên âm

(Nhâm Tuất nguyên niên bình tặc, hiến phù đại cáo thiên hạ).

Trẫm văn: Vị cứu thế nhi phục thù, Xuân Thu đại nghĩa.

⁽¹⁾ Khăn đỏ: chỉ Tây Sơn, vì quân khởi nghĩa thường bịt khăn đỏ.

⁽²⁾ Chỉ việc Thiệu phó Trần Quang Diệu và Tư đồ Võ Văn Dũng bị bắt.

⁽³⁾ Quy Lĩnh, còn gọi Quy Sơn, tức núi Rùa, nằm gần cửa Tư Hiền, nay thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều vạn dân nhi phạt tội, vương giả chí nhân.
 Truân hanh phủ tập hồng huân, hoán chứng dụng thân đại hiệu.
 Ngã quốc gia, Hà Trung dục tú, Miêu ngoại phát tường.
 Việt Tiên vương phi kiến hồng cơ, nhân hậu tương truyền nhất mạch.
 Kỳ Liệt thánh quang thừa tuần liệt, thái bình thù nhị bách niên.
 Ngẫu trung diệp chi gian truân, trí ngoan manh chi phiến biến.
 Phân cứ ngã thành ấp, đồ độc ngã sinh dân.
 Nhạc Huệ dĩ hậu, Nguyễn Trát dĩ tiền, nãi ác cái phi nhất nhật.
 Thuận Quảng nhi Nam, Linh Giang nhi Bắc, lưu ươn đãi cập quần phương.
 Trầm thiết xỉ quốc thù, thống tâm dân mạt.
 Thiên tử mỹ định, khởi Hạ Thiếu chi Hữu Nhưng.
 Dịch lệ đồ hồi, mại Hán Quang chi Bạch Thủy.
 Cái thiên dục tuần hoàn nhi giáng nhậm, cố trầm duy ẩn nhữ dĩ
 dĩ thời.

Tái hưng chi vận hội ký phù, tứ phạt chi sư đồ tái chỉnh.
 Mậu Thân niên, thủy tự Xiêm La, toàn thu Gia Định.
 Kỷ Mùi tấn công Quy Nhơn, Tân Dậu ngũ nguyệt tấn khắc Phú Xuân.
 Ngụy nghịet sáng hoàng, đơn xa Bắc khứ.
 Tự thử Hoàn Sơn nhất đái, tận phục cự cương.
 Duy dư nghịch Diêu cô quân, thượng nhân cố lũy.
 Niệm trừ ác tất tiên tảo huyết, nhi đồng cừu, chính tại chằm qua.
 Giáp công chi binh, tài du tuyệt lũy.
 Bô tru chi khấu, cánh thất Bàn thành.
 Bĩ ký bôn mệnh nhi đào lâm, ngã trực toàn sư nhi phạt Bắc.
 Nhâm Tuất ngũ nguyệt nhật, thân đề đại chúng, trực độ Linh Giang.
 Thừa phong nhi thế chấn liệu mao; chỉ nhật nhi công thu phá trúc.
 Hoan Ái chư đạo, lập kiến thổ băng;
 Diêu Dũng cùng đồ, tương kế tỉnh hãm.
 Nhất lộ lôi oanh điện xiết; liệt thành ngổa giải hôi phi.
 Ngụy nghịet tận cầm, tội nhân tư đắc.
 Quần âm tịnh tảo, phổ thiên chi thổ vũ khuếch thanh.
 Lục long khải hoàn, tải đạo chi sơn xuyên sinh sắc.
 Thử thực trượng Thượng huyền trợ thuận, Cửu miếu hiệp linh.
 Quần sù tuyên lao, lục quân hiệu lực, dĩ trí nhiên dã.
 Nãi ư bốn niên, thập nhất nguyệt, sơ lục nhật tế cáo thiên địa.
 Sơ thất nhật yết tế Thái miếu, kiền cáo hiến phù.

Tịnh tương ngụy Trát, ngụy Thùy, ngụy Cháu [Thiệu], ngụy Bàn, ngụy
 Diêu, ngụy Dũng, ngụy Tứ, ngụy Thận, ngụy Giáp, ngụy Đức [Hưng], cập
 ngụy khỏa khô ác đẳng, hiện tại phu hoạch, tất thần chi hiển lực, kiêu thủ
 thị cảnh.

Nhạc Huệ đẳng dĩ thuộc thần tru, diệp lục thi cốt, tê dĩ phục tông miếu chi thù, dĩ tuyết thần nhân chi phần.

Ừ hi! Đại nghị bình tàn tặc, ký hất thành vô cạnh chi công.
Nhất thống hồn xa thư, trữ cộng hưởng vĩnh thanh chi khánh.
Bá cáo hà nhĩ, hàm sử văn tri.

Dịch nghĩa

Đại cáo bình định Tây Sơn

Nguyên chú: Năm Nhâm Tuất [1802], niên hiệu Gia Long năm đầu, dẹp xong giặc, làm lễ hiến phù, đại cáo thiên hạ.

Trẫm nghe: Vì chín đời mà trả thù, là đại nghĩa kinh Xuân Thu. Thương muôn dân mà đánh giặc, là chí nhân của bậc quân tử.

Truân hanh⁽¹⁾ mới rõ công to, hoán chứng⁽²⁾ để ban hiệu lệnh.

Nhà nước ta, Hà Trung đúc khí thiêng, Gia Miêu gây điềm tốt.⁽³⁾

Từ tiên vương cả xây nền lớn, nhân hậu một mạch cùng truyền. Đến liệt thánh vâng nổi công cao, thái bình hai trăm năm lẻ.

Chợt nửa chừng gặp vận gian truân, dân ngoan cố⁽⁴⁾ gây nên biến loạn.

Chiếm giữ thành ấp ta, tàn ngược sinh dân ta.

Từ Nhạc Huệ về sau, đến Nguyễn Trát⁽⁵⁾ về trước, chứa tội ác không phải một ngày.

Từ Thuận Quảng vào Nam, đến Linh Giang ra Bắc, gây tai họa khắp cả nhiều phương.

Trẫm nghĩ rằng vì thù nước, xót lòng bởi ách dân.

Đời chuyển không thường, nào khác Thiếu Khang nhà Hạ ở Hữu Nhưng.⁽⁶⁾

Lo lắng phục hồi, còn hơn Quang Vũ nhà Hán nơi Bạch Thủy.⁽⁷⁾

Bởi trời muốn tuần hoàn để trao mệnh lớn, nên trẫm phải ẩn nhẫn để đợi thời cơ.

Vận hội trung hưng đã hợp, quân đánh dẹp càng chỉnh đốn.

Năm Mậu Thân [1788], mới từ Xiêm La, về thu Gia Định.

Năm Kỷ Mùi [1799], tiến đánh Quy Nhơn, tháng 5 Tân Dậu [1801] thu phục Phú Xuân.

Bọn giặc kinh hoàng, một xe trốn về Bắc.

Từ đó Hoàn Sơn một dải, cõi xưa thu về.

Duy còn giặc Diêu quân côi, vẫn nương lũy cũ.

⁽¹⁾ Gian truân hay thông suốt.

⁽²⁾ Cứu vớt cảnh lìa tan.

⁽³⁾ Quê gốc của nhà Nguyễn là Gia Miêu Ngoại trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, xứ Thanh Hoa.

⁽⁴⁾ Nguyên văn: “ngoan manh” tức dân cứng đầu.

⁽⁵⁾ Túc Nguyễn Quang Toản.

⁽⁶⁾ Thiếu Khang là cháu nội của Trọng Khang, nương náu ở quê mẹ là Hữu Nhưng rồi phục hưng được cơ nghiệp nhà Hạ.

⁽⁷⁾ Lưu Tú nương náu ở Bạch Thủy rồi dựng được cơ nghiệp nhà Đông Hán, lên ngôi tức Hán Quang Vũ.

Nghĩ trừ ác, trước nên phá tan sào huyệt, nghĩa đồng cừu nên gởi giáo mà nằm.

Quân giáp đánh vừa vượt qua lũy hiểm.

Giặc trốn đi, bỏ mất Bàn thành.

Nó đã chạy thực mạng mà trốn vào rừng, ta bèn chuyển quân đánh ra Bắc.

Tháng 5 Nhâm Tuất [1802], ta đích thân đem đại quân vượt thẳng sông Gianh.

Cởi gió mà thế phấn chấn tựa đốt lông, hẹn ngày thành công nhanh như chẻ trúc.

Các đạo Hoan, Ái, lập tức như lở đất.

Giặc Diệu, giặc Dũng cùng đường, nối nhau sa hố.

Một nẻo sấm vang chớp giạt, các thành ngói vỡ tro bay.

Giặc dữ bắt xong, tội nhân giải hết.

Bóng đen quét sạch, cả gầm trời bờ cõi sáng trong.

Ngự giá khải hoàn, đầy đường non sông khởi sắc.

Đó thực là nhờ trời cao giúp thuận, chín miếu hộ thiêng, chư tướng gắng công, sáu quân ra sức, nên mới được thế.

Bèn vào ngày mồng 6 tháng 11 năm nay tế cáo trời đất.

Ngày mồng 7 yết tế Thái Miếu, làm lễ hiến phù.

Dem bọn ngụy Trát, ngụy Thùy, ngụy Cháu [Kd: Thiệu], ngụy Bàn, ngụy Diệu, ngụy Dũng, ngụy Tứ, ngụy Thận, ngụy Giáp, ngụy Đức [Kd: Hưng]⁽¹⁾ và bè lũ đầu sỏ hiện đã bắt được, đều đem giết hết, bêu đầu thị chúng.

Bọn Nhạc Huệ trời đã giết rồi, cũng chặt xác, băm xương để trả thù cho tông miếu, để rửa lòng căm phẫn của thần và người.

Hỡi ôi! Đại nghĩa dẹp giặc cuồng, đem lại thành công đại định. Xa thư cùng một mối, để chung hưởng ơn phước thái bình.

Bá cáo xa gần, thấy đều nghe biết.

Biểu tuyền (Tuyển các bài biểu)

Tạ sớ biểu

(Biểu tạ ơn việc đưa quân vào)

Nguyên chú: Việp công [Hoàng Ngũ Phúc] tiến quân vượt sông vào Nam Hà. Quốc vương [chúa Nguyễn Phúc Thuần] sai cận thần đem 30 hốt vàng, dâng lên Hoàng thượng [vua Lê Hiến Tông] 20 hốt, và dâng bản tấu, cũng như bản khải [cho chúa Trịnh Sâm], đều chuyển đệ lên.

Bản tấu: Hoàng thượng muôn muôn tuổi.

⁽¹⁾ Túc Nguyễn Quang Toàn, Nguyễn Quang Thùy, Nguyễn Quang Thiệu, Nguyễn Quang Bàn (đều là con của vua Quang Trung), Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Văn Thận, Nguyễn Văn Giáp, Lê Văn Hưng là các danh tướng trung thành của nhà Tây Sơn.

Mùa thu năm ngoái, quân Tây Sơn nổi lên cướp phá, thần chưa kịp dùng binh. Ngửa đội ơn Hoàng thượng thương đến con cháu bậc huân thần, đặc sai thanh viện. Nay đã yên ổn trở lại, cũng là nhờ đức của thánh minh và sức của chư công. Kính dâng lễ mọn để lạy tạ, trên là báo đáp lòng nhân trời che đất chở, và lòng độ lượng như tiết mùa xuân nuôi dưỡng, như biển cả bao dung. Thần ngay ngáy tưởng nhớ, trông mong chuẩn nhận. Thần thật lòng sợ sệt, cảm kích khôn xiết.

Kính tâu.

Bài khải: Vương thượng cao minh ngọc lâm:

Nhà thần bất chợt bị con đồ lộng binh. Nhiều lần đội ơn Vương thượng đoái đến họ ngoái, cho binh thanh viện. Nay Quảng Nam đã yên trở lại, bọn cướp tạm dừng. Cũng là nhờ sức cứu vớt giúp đỡ của Vương thượng. Dám xin dâng lễ mọn, ngõ hầu bày tỏ lòng thành, để báo đáp ơn đức rộng lớn cao dày. Ước mong thu nạp. Thần khôn xiết ngưỡng mong.

Kính khải.

Trần tình biểu

Phiên âm

(Gia Khánh thất niên, bản triều Gia Long chi nguyên niên dã, đặc mệnh bồi giới Trịnh Hoài Đức, bồi thần Lê Quang Định, Lê Chính Lộ, Nguyễn Gia Cát đẳng dĩ kỳ nam nhị cân, tượng nha nhị đối, tề giác tứ tòa, trầm hương nhất bách cân, [tốc] hương nhị bách cân, thổ trù nhị bách thất dĩ tiến).

Tấu vị: Mạo lịch viễn thâm, ngưỡng can duệ giám sự. Do thần cứu thế tổ Nguyễn Kim dĩ Lê thị phụ thần hậu duệ, phần nghịch Mạc tiếm toán, cử hợp quốc nội nghĩa sĩ thảo tặc phục thù, phù lập Lê hậu. Cự ý trung đạo thế một. Kỳ tế Trịnh Kiểm tự chuyên binh lính, hiếp chế Lê vương. Bất thế tổ Nguyễn Hoàng thời tại nhược linh, chỉ đặc tộ phong Quảng Nam, Thuận Hóa đẳng xứ. Địa hiểm thế cách, Trịnh thị thị dĩ vi cừ. Tòng thử phân cương, biệt thành nhất quốc. Tự hậu kiến quốc vu Nam, tịch thổ tầm quảng, phụ truyền tử kế, nhị bách dư niên. Duy hải động sơn tu, thê hàng lộ trở, khu khu tịch nhượng, vị hoạch bẩm mệnh ư Thiên triều.

Đãi tiên thúc Nguyễn Thuần, xung niên tự phục, quốc tộ thúc vi. Hạp nội biên manh Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Quang Bình đẳng xưng loạn vu Tây Sơn. Ngoại nhi Trịnh thị thừa nguy yêm tập. Tiên thúc dữ tộc thuộc bá việt thiên phương, Quang Bình toại sính độc tâm, tứ hành vô kỵ, phá hủy lịch đại phần uynh, tàn lục chí thân cốt nhục. Thần thời thượng tại ấu trĩ, vị năng đồ hồi, ký tích Xiêm La, thâm dĩ tổ tông chi thù vị phục vi sỉ, ngoạ tân thường đảm dĩ đãi thời cơ. Quang Bình phục sính hung uy, cứ quốc trực chủ, toại tính Nam Giao.

Hạnh môn Thánh đức hàm dung, bỉ cánh bất năng kỳ thừa huấn phạm. Hà chính bạo hình, trọng chinh hậu liêm, hạp cảnh sĩ thứ mỹ bất liêu sinh.

Bình ký vẫn mệnh, kỳ tử Quang Toàn dĩ ngoan liệt chi tự, đạo hung tàn chi tập, suất tình khí vọng, bất úy Thiên uy, dung dưỡng phỉ đồ, kiếp lược dương diện. Bạo tàn chi thái, nhật thậm nguyệt tư.

Thần ư Mậu Thân niên, thủy tự lân quốc toàn sư, tiên phục Gia Định, Khang, Thuận đẳng trấn, sinh tự giáo huấn, tích thập dư niên. Đãi Kỷ Mùi niên, thủy lục tịnh cử, khắc phục Quy Nhơn, phá bỉ sào huyệt.

Tân Dậu niên, tái đốc tương bản bộ binh mã, thu phục Quảng Nam, Phú Xuân Thuận Hóa đẳng trấn.

Quang Toàn chích thân bên thoán, tận khí tích phong sách mệnh, ấn tín. Kỳ oa lưu tề bão đạo khóa, như nguy xưng Đông Hải Vương Mạc Quan Phù, nguy xưng Thống binh Lương Văn Canh, Phan Văn Tài đẳng tịnh tại phù hoạch. Thực do dao trượng thanh uy, cố hoạch tảo thanh Nam kiêu.

Bốn niên trọng hạ, thiết hạnh hải trình sảo dĩ ninh thiếp. Cẩn khiển bồi giới Trịnh Hoài Đức đẳng cung tề bất điển phương vật, bảm khản Lưỡng Quảng đốc thần đại vi đồng đạt, cung hậu tứ tấn. Tịnh dĩ sách mệnh ấn tín, quân thị tích phong danh khí, bất cảm tư tự càn một.

Hải phỉ Mạc Quan Phù đẳng hệ thị phạm nhân, bất cảm thiện tự xử quyết. Tịnh ủy bồi giới lai tương chước nạp giải đệ.

Chí lực nguyệt, thân đốc thủy bộ quân binh công khắc Thăng Long, càn hoạch Quang Toàn huynh đệ cập khôi thủ đẳng khóa, tịnh dĩ phục tru.

Thần chi bản tâm, chỉ đồ báo thù tuyết sỉ, nguyên bất lợi kỳ quốc gia. Nhi thập tam đạo thừa tuyên viễn cận quy phụ, cử quốc sĩ dân quần tương suy đối.

Thần duy đặc điển đại thù, nhi diện hoang phục, thực giai ngưỡng trượng sủng linh. Đương vu thất nguyệt gian đệ cụ nạp khoản thâu thành chi bảm.

Bằng Thái Bình vương [Kđ: phủ] tri phủ chuyển, cầu Đốc phủ hiến đại vi trần tấu.

Tư đương đề tạo y thủy, túc dạ cạnh cụ, duy thử nhất phiên cung thuận chân trung, thượng đạt thần giám, thứ cơ hóa nội phiên phục, dung cái bất di. Khâm duy Đại Hoàng đế, đức phổ hóa quảng, nhân dục nghĩa chính, tài bồi khuynh phúc, nhất thuận Thiên đạo chi tự nhiên. Thần tuy phạm tại sơ địch, cứu thiết tôn thân, truân truân chiêm tự chi thành, mộng mị bất trí, dụng cảm lịch trần hạ khổn, ngưỡng đối Thiên ân, mạo muội thực cầu [thượng] hương bái biểu. Phục vọng Thánh từ khúc chấn, phủ tứ hoài nhu,

tích dĩ vinh phong, dụng [phu] sủng mệnh, tử chính danh phận, đắc dĩ thống nhiếp hữu bang. Cảm hà Đại Hoàng đế phú đào như thiên chi đức. Thần dữ quốc nội thần dân, đồng ca tụng vu vô cùng hỷ. Thần sự sự thảo sáng, cung bị phỉ nghi, cần dĩ bồi giới nghệ quan [thượng] tiến. Thứ úy Thiên phục sự chi tình, đắc thiếu bạch kỳ vạn nhất. Bất thăng hoàng khủng, chiến lật đãi mệnh chi chí. Cần phụng biểu dĩ văn.

Dịch nghĩa

Biểu trần tình

Nguyên chú: Năm Gia Khánh thứ 7 là năm đầu niên hiệu Gia Long của bản triều vậy. Vua sai bồi giới là Trịnh Hoài Đức, bồi thần là Lê Quang Định, Lê Chính Lộ, Nguyễn Gia Cát đem 2 cân kỳ nam, 2 đôi ngà voi, 4 tòa tề giác, 100 cân trầm hương, 200 cân tốc hương và trầu the 200 tấm để dâng lên hoàng đế nhà Thanh.

Tâu vì ở phương xa, mạo muội giải lòng thành, ngửa trông soi xét. Ông tổ chín đời của thần là Nguyễn Kim, hậu duệ của các bề tôi phụ bật của nhà Lê, căm giận nguy Mạc tiếm ngôi, bèn tập hợp nghĩa sĩ trong nước đánh giặc trả thù, giúp lập nhà Hậu Lê. Chẳng may nửa chừng bị mất. Rể của ngài là Trịnh Kiểm tự chuyên nắm hết binh quyền, hiếp chế vua Lê. Ông tổ tám đời là Nguyễn Hoàng lúc đó còn trẻ, chỉ được phong hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam. Hiềm địa thế cách trở, họ Trịnh xem như kẻ thù. Từ đó chia bờ cõi, biệt thành một nước. Về sau dựng nước ở cõi Nam, mở rộng đất đai, cha truyền con nối, trải hai trăm năm hơn. Động biển góc núi, tàu thuyền cách trở, chỉ lo chăm chăm trên vùng đất xa xăm, chưa có dịp được bẩm mệnh với Thiên triều.

Đến lúc chú thần là Nguyễn Thuần, trẻ tuổi nổi nghiệp, vận nước suy vi. Dân biên giới trong cõi là bọn Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Quang Bình nổi loạn ở ấp Tây Sơn. Bên ngoài thì họ Trịnh thừa nguy đánh úp. Chú thần cùng bà con thân tộc phải vượt ra ngoài cõi. Quang Bình bèn buông tuồng lòng độc ác, hành động ngang ngược không hề kiêng kỵ, phá hủy mồ mả các đời, chém giết cốt nhục chí thân của thần. Lúc đó thần còn thơ ấu, chưa thể mưu đồ khôi phục, đành gởi thân ở Xiêm La, xót mối thù của ông cha chưa trả được lấy làm hổ thẹn, nếm mật nằm gai, để đợi thời cơ. Quang Bình lại càng hung hăng, chiếm nước đuổi chủ, rồi thôn tính nước Nam. May nhờ thánh đức bao dung, nhưng nó vẫn không tuân lời giáo huấn. Chính sự hà khắc, hình phạt bạo tàn, đánh thuế nặng, thu góp nhiều, sĩ tử thứ dân trong cõi không còn sống nổi.

Sau khi Bình chết, con là Quang Toản nhờ lũ ngoan cố ươn hèn, dẫm theo thói quen hung hãn, cố tình gàn dở, không sợ oai trời, dung dưỡng hải phỉ, cướp bóc mặt biển. Thối bạo tàn chất chồng ngày tháng.

Vào năm Mậu Thân [1788], thần mới từ nước láng giềng kéo quân trở về, trước thu phục các trấn Gia Định, Bình Khang, Bình Thuận, sinh tụ dạy

dỗ, chất chứa hơn mười năm. Đến năm Kỷ Mùi [1799], cất quân thủy bộ, đánh lấy Quy Nhơn, phá tan sào huyệt chúng nó.

Năm Tân Dậu [1801] lại tự mình đem binh mã bản bộ đánh lấy lại các trấn Quảng Nam, Thuận Hóa-Phú Xuân.

Quang Toàn một thân trốn chạy, bỏ cả sách mệnh, ấn tín ban phong. Bọn trộm cướp chui rúc các nơi như tên ngụy xưng là Đông Hải Vương Mạc Quan Phù, tên ngụy xưng là Thống binh Lương Văn Canh, Phàn Văn Tài⁽¹⁾ đều bị bắt sống. Thực là nhờ thanh uy phương xa, mới quét sạch cõi Nam.

Tháng 5 năm nay, đi theo đường biển thì hải trình cũng đã yên ổn. Kính cẩn sai người tin cẩn là bọn Trịnh Hoài Đức kính mang các sản vật tầm thường của địa phương để bắm với Đốc thần Lương Quảng thay mặt tâu lên, kính chờ ban mệnh. Lại đem dâng sách mệnh ấn tín, đều là của quý ban phong không dám làm mất mát. Bọn giặc biển Mạc Quan Phù vốn là phạm nhân, không dám tự chuyên xử quyết, cũng sai bồi giới giải đến nộp lại.

Đến tháng 6, thần đích thân chỉ huy quân binh thủy bộ đánh lấy Thăng Long, bắt giữ anh em Quang Toàn, bọn đầu sỏ đảng giặc, đều đã giết hết.

Bản tâm của thần, chỉ lo báo thù rửa nhục, vốn không lấy nước nhà làm lợi cho mình. Nhưng mười ba đạo thừa tuyên gần xa đều quy phục, sĩ thứ nhân dân cả nước suy tôn.

Thần tự nghĩ: Diệt được thù lớn mà bờ cõi vững yên thực là nhờ ơn sủng thiêng liêng. Nên vào tháng 7, cho mang đầy đủ các khoản nạp lên để bắm lòng thành.

Nhờ Tri phủ phủ Thái Bình chuyển đến, xin Đốc phủ hiến trần tấu thay cho.

Nay đang là lúc gầy dựng ban đầu, ngày đêm canh cánh lo sợ, chỉ tỏ bày một tấm lòng trung trực thuận kính, mong trên soi xét, ngõ hầu bên trong được giáo hóa, bên ngoài úy phục, sự bao dung chẳng sót. Kính nghĩ Đại Hoàng đế, đức bao khắp, giáo hóa rộng, lấy lòng nhân để nuôi nấng, lấy đạo nghĩa để uốn nắn, vun đắp nghiêng đổ, tất cả đều thuận theo tự nhiên của đạo trời. Thần tuy phận ở xa xôi, nhưng từ lâu đã tha thiết tôn thân, chăm chăm nghĩ đến lòng thành, thức ngủ chẳng yên, dám xin bày tỏ chân thành, ngửa đội ơn trời, mạo muội cầu mong, dâng hương bái biểu. Cúi mong Thánh từ thương xót, rủ lòng nhu viễn, ban cho vinh phong, tỏ rõ ơn sủng, để được chính danh phận, nhằm cai quản đất nước.

(1) Mạc Quan Phù [Mo Kuan-fu-莫官扶], Lương Văn Canh [Liang Wan-keng-梁文庚], Phàn (Phiên) Văn Tài (Fan Wen-ts'ai-樊文才) là những hải tặc người Trung Quốc được Tây Sơn chiêu mộ và sử dụng.

Cảm kích ơn của Đại Hoàng đế che chở như đức của trời. Thần và thần dân trong nước, cùng ca ngợi mãi vô cùng vậy. Thần lo việc ban sơ, kính chuẩn bị lễ mọn, kính sai bồi giới đến cửa quan dâng lên. Ngõ hầu tỏ lòng sợ trời, theo việc, được bọc bọc ít nhiều trong muôn một. Khôn xiết run sợ, ngóng trông đợi mệnh.

Kính cẩn dâng biểu tâu lên.

Khuyến tiến biểu

Phiên âm

(Thị niên hạ ngũ nguyệt sơ nhất nhật vị độ Linh Giang, Nam kinh văn võ bách quan giao chương dĩ tiến).

Quốc thúc Chuởng cơ Nguyễn Phúc Thăng... [Lược phần kê khai họ tên, chức tước các người dâng biểu. Xem phần dịch nghĩa] thần đẳng tấu thượng biểu.

Tư thừa kiến Thái vận trùng hanh, Càn phù tập chỉ. Kim kính lẫm nhi Hy đồ viễn diệu; Ngọc luật hòa nhi vũ trụ đồng xuân.

Thần đẳng thành hoan thành biện, cần phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ: trung chính ngự thiên, cửu ngũ đồ thánh nhân chi tác; thông minh kiến cực, bán thiên phù vương giả chi hưng.

Xích phục khai cương, đồng giai hợp khánh.

Thần đẳng thiết duy:

Hậu tướng đế, dẫn duy tư mục, tất hùng tài xuất loại, tuần đức siêu quần. Thiên ái quân, mỗi dục phò trì, cố đa nạn hưng bang, ân ưu khái thánh. Vận hội cực nhi loạn đương phục trị; lý số tham nhi phế tất hữu hưng. Hạ tam truyền nhi lệnh chủ khả vi, thành lữ văn Huyền vương chi tông xã.

Hán thập thế dĩ chân nhân giả xuất, quyển mẫu khôi Xích đế chi sơn hà.

Cái thân hưu thực bốn ưu thiên tâm, nhi thù tự vương quan ưu thế đức.

Ngã quốc gia cung phu triệu tạo, mao việt tập thành.

Bát cửu diệp tổ tông tương thụ, hiền thánh tương thừa, diễn Kỳ tạo Bân, đồng chi nhân hậu.

Nhị bách niên nhân dân nhật phồn, cương thổ nhật tịch, phổ Đông tạm Nam, kỳ chi thanh giáo.

Phục hoàng ngẫu trĩ trung vi, di quốc cánh tao đại đạo.

Bỉ tàn ngược nhi thần nhân cộng phần, chính thương khùng khai hối họa chi kỳ.

Dân oán thâm nhi bang vực giai thù, thực xích tử thiết vọng từ chi nhật.

Suyễn khích đông hàn, tuần hoàn giả lý. Vân tương xuyên được, kham bát kỳ cơ.

Cầu năng thành hanh truân tế kiến chi cực công.

Cái tất đải xuất Chấn hiện Ly chi chân mệnh.

Khâm duy:

Vương thượng bệ hạ, quá nhân đại độ, tiên vật [...] ⁽¹⁾ cơ.

Diễn thù nghĩa địch Xuân Thu, tuân dưỡng lệ, thường đảm ngoạ tân chi khổ.

Bát loạn niệm huyền tiêu cán, trạc thân chinh, bình mao chấp việt chi lao.

Hách linh thanh nhi tiềm hiện duy thì; hùng mô đoán nhi hạp khai độc vận.

Kỳ khu tế Xiêm binh, Dương quý, tùy địa vi Câu Tiễn chi Cối Kê.

Hiểm nạn trung hải lễ sơn phong, đắc thiên hữu Hán hoàng chi Thư Thủy.

Lý tín bất vong ư tư thuận, thắng tàn mỗi cấp ư thi nhân.

Hưng miêu, dương thời vũ chi báit tinh, hề tô giả đông chinh oán ư tây, nam chinh oán ư bắc.

Phá lãng, cổ huân phong chi phạm tiếp, thủ thứ nhi nhất giá phục kỳ thành, tái giá phục kỳ đồ.

Ưu cần chi cơ lược doãn tàng, bình định chi quy mô tư bí.

Đỉnh chỉ lịch ứng tuần mệnh, cơ thành quang hữu chỉ chi phong cương.

Cấu thi mậu kiến hồng ân, thị thính thiếp duy tân chi nhĩ mục.

Phận định dân tri sở hướng, kinh kỷ minh nhi nghiệp bảo thường an.

Thập tam tuyên chỉ nhật vi gia, phi đồ tảo hoàn nê chi cốc.

Ưu vận tải phối thiên kỳ trạch, toàn phục long bàn thạch chi tông.

Thần đẳng:

Kỳ củng xuân xương, kiên tuân Hạ chính.

Định vu nhất hỷ chiêm hải yến, báit yết Cơ thư liễm phúc chi tàu.

Hô giả tam cần hiệu sơn ngôn, tề thưởng Chu thế bốc niên chi lịch.

Thần đẳng bất thẳng đồng được khánh hạnh chi chí. Cần phụng biểu xưng hạ dĩ văn.

Dịch nghĩa

Biểu khuyên lên ngôi hoàng đế

Nguyên chú: Ngày mồng 1 tháng 5 mùa hè năm nay [Tân Dậu-1801], khi chưa vượt sông Gianh, bách quan văn võ ở Phú Xuân soạn biểu dâng lên.

Tất cả các bề tôi là Quốc thúc Chương cơ Nguyễn Phúc Thăng, Trung quân Nguyễn Văn Trương, Tiền quân Nguyễn Văn Thành, Hữu quân Nguyễn Văn [Kd: Huỳnh] Đức, Thần Sách Giám quân Phạm Văn Nhân, Chương Trường đà Nguyễn Văn Liên, Tả dinh Lê Văn Duyệt, Tả đồn Lê Văn Chất, Tiên phong Nguyễn Văn Tánh, Tượng dinh Nguyễn Văn [Kd: Đức] Xuyên, Tiền dinh Tống Văn Siêu, Hữu dinh Nguyễn Phúc Chương, Trung quân Trần Công Lại, Túc trực Nguyễn Văn Khiêm, Phấn dục Tống

⁽¹⁾ Mất một chữ.

Phúc Thái, Trung thủy dinh Tống Phúc Châu, Tiền thủy dinh Nguyễn Hữu Chính, Tả thủy dinh Đào Văn Lương, Hữu thủy dinh Lê Văn Quế, Tả quân phó tướng Trần Công Thái, Nguyễn Hữu [Kd: Đình] Đắc, Hậu quân dinh phó thống chế Hoàng Viêt Toản, Binh Bộ Nguyễn Bình [Kd: Kỳ] Kế, Hình Bộ Nguyễn [Tử] Châu, Hộ Bộ Phan Vu Đức, Lễ Bộ Đặng Đức Chiêu, Lại Bộ Trần Văn Trạc, Công Bộ Trần Văn Thái, Tham tri Binh Bộ Nguyễn Quang Trạch, Ngô Như [Kd: Nhữ] Sơn, Tán lý Đặng Hữu [Kd: Trần] Thường, Tham tri Hình Bộ Nguyễn Hoài Quỳnh, Nguyễn Quang Diệu, Tham tri Hộ Bộ Trịnh Hoài Đức, Lê Viêt Nghĩa, Trần Long Thành, Tham tri Lại Bộ Nguyễn [Kd: Huỳnh] Ngọc Uẩn, Phạm Văn [Kd: Đăng] Hưng, Phạm Văn Việp, Tham tri Lễ Bộ Lê Công Tuyết, Trần Thủy Đạt, Nguyễn Phúc Hanh, Tham tri Công Bộ Nguyễn Ngọc Ngoạn, Nguyễn Đức Trinh kính cẩn dâng biểu.

Nay kính thấy: Vận của quẻ Thái hanh thông trở lại, phù hiệu của quẻ Càn hội tụ phúc lành. Gương vàng sáng mà bức Hy đồ tỏa rạng. Ngọc luật hòa mà vũ trụ cùng xuân.

Chúng thần thật vui thật mừng, kính dâng biểu ngợi ca. Kính nghĩ: ngay thẳng ngự giữa trời, hào cửu ngũ thấy thánh nhân an vị; thông minh lập cực, năm trăm năm⁽¹⁾ hợp điềm lành vương giả trùng hưng.

Côi Nam mở cõi bờ, thêm son thêm phúc đức. Chúng thần trộm nghĩ: Trời giúp hoàng đế, giao cho chấn dân, tất tài cao đức lớn hơn người. Trời thương quân vương, hết lòng giúp đỡ, nên dù nhiều nạn vẫn hưng quốc, càng âu lo càng sinh bậc thánh. Vận hội tận cùng thì loạn rồi lại trị, xét xem lý số thì phước ắt lại hưng. Nhà Hạ truyền ba đời thì lệnh chúa khá nên, quân đã vãn hồi tông xã của Huyền vương.⁽²⁾ Nhà Hán trải mười đời, có bậc chân nhân xuất hiện, đất đai khôi phục được non sông của Xích đế.⁽³⁾ Bởi ra ơn vốn ở lòng trời, mà việc nối dòng lại liên quan thế đức.

Nước nhà ta, đao cung kiến tạo, cờ búa dựng nên. Tám chín đời tổ tông nối tiếp, hiền thánh kế nhau, nối đất Kỳ, dựng đất Bân,⁽⁴⁾ cùng lòng nhân hậu.

Hai trăm năm nhân dân phồn thịnh, cương thổ mở mang, khắp đông sang nam, thấm nhuần thanh giáo.

Vấp ao cạn, chột gặp trung suy, dời đất nước, lại vương trộm lớn.

⁽¹⁾ Câu này nguyên văn: “trung chính ngự thiên, cửu ngũ đồ thánh nhân chi tác; thông minh kiến cực, bán *thiên* phù vương giả chi hưng”. Bản chép ghi chữ *thiên* ở về sau là 天, đánh chính lại là chữ 千 thì mới phù hợp về trên và đúng văn mạch.

⁽²⁾ Nhà Hạ truyền được 3 đời: Thái Khang, Trọng Khang, Tước thì bị loạn lạc. Sau đó Thiếu Khang đánh bại Hàn Trác, phục hồi cơ nghiệp tổ tiên.

⁽³⁾ Nhà Tây Hán truyền được 10 đời vua trong 210 năm thì bị Vương Mãng soán ngôi lập ra nhà Tân được 15 năm. Sau đó Lưu Tú phục hưng được cơ nghiệp, lập nên nhà Đông Hán.

⁽⁴⁾ Kỳ, Bân là quê hương của nhà Chu.

Nó bạo tàn nên thân, người cùng cảm phần, do trời cao mở kỳ hạn họa tai.

Dân oán sâu mà cả nước đều thù, nên con đỏ mong ngày từ ái. Nước chảy đông hàn, tuần hoàn là lý. Mây dùn nước xiết, đánh dẹp nên cơ.

Cầu ắt nên sự nghiệp hanh thông, vượt qua khốn khó, ắt đợi chờ chân mệnh, từ quẻ chấn xuất hiện quẻ ly.

Kính nghĩ: Vương thượng bệ hạ, đức lớn hơn người hiểu được tiên cơ. Diệt thù, nghĩa lớn Xuân Thu, gắng gỏi nằm gai nếm mật. Dẹp loạn, lo nghĩ ngày đêm, lao nhọc phát cờ cầm búa.

Lừng lẫy tiếng tăm, mà ẩn hiện đúng thời, mưu lược quyết đoán, mà mở mang vận nước.

Khi long đông với quân Xiêm, súng Pháp, nơi nào cũng là Cối Kê của Câu Tiễn.

Trong hiểm nạn, biển dâng nước ngọt, rừng tặng làn bon, nhờ vận trời mới có Thư Thủy của Hán Vương.⁽¹⁾

Vững lòng tin không quên nghĩ thuận, thắng hung tàn đều gấp ra ơn.

Tươi lúa giương ngọn cờ “thời vũ”, người đợi lành thì khi đánh đông oán ở tây, đánh nam oán ở bắc.

Rẽ sóng dựng cánh buồm gió mát, theo thứ lớp mà ngự giá lần thứ nhất lấy được thành, ngự giá lần thứ nhì thì thu phục kinh đô.

Mưu cơ lo lắng chất đầy, quy mô đánh dẹp càng sáng tỏ.

Quẻ Đỉnh dừng nơi mệnh lớn, cơ nghiệp thành sáng tỏ cõi bờ. Quẻ Cấu phô tạo ơn dày, tai nghe mắt thấy hội duy tân.

Phận đã định, dân biết hướng theo; dây mối rõ, giữ yên cơ nghiệp.

Mười ba thừa tuyên chỉ một ngày cùng thống nhất, mở bản đồ quét sạch hang bùn.

Ức vạn năm ơn đức sánh với trời, nối nghiệp nêu cao dòng bàn thạch.

Chúng thần cung kính buổi đầu xuân, tuân giữ chính sóc nhà Hạ. Nghiêm chỉnh mừng vui xem biển lặng, bái yết Cơ thư⁽²⁾ góp phúc. Hô ba tiếng: muôn muôn năm, kính bắt chước lời của núi non, thảy dâng lên cuốn lịch đời Chu.

Chúng thần mừng vui khôn xiết, may mắn vô ngần. Kính dâng biểu ngợi ca này.⁽³⁾

⁽¹⁾ Nguyên văn: “Hán hoàng chi Thư Thủy”, chúng tôi chưa rõ điển tích này.

⁽²⁾ Cơ thư: sách của Cơ Tử, đây chỉ *Hồng phạm cứu trù*, ghi lời diễn giải của Cơ Tử về tái lập đạo hằng gồm 9 điều của khuôn phép lớn.

⁽³⁾ Trả lời việc bề tôi dâng biểu xin vua lên ngôi hoàng đế, vua Gia Long dụ rằng: “Lúc thành Gia Định vừa lấy lại, ta đã lên ngôi vương, là vì lòng người tôn kính lâu rồi. Nay kinh đô cũ dấu mới khôi phục, mà giặc nước chưa trừ xong, việc lên ngôi cao chưa thể bàn được. Duy vương giả đổi họ chịu mệnh, nghĩa cần đổi mới, năm phải có hiệu, cho nên đổi niên hiệu là phải. Bọn khanh nên bàn mà làm”. (*Đại Nam thực lục*, bản dịch, Nxb Giáo dục, tái bản 2002, tập 2, tr. 489).

Thi tuyển (Tuyển thơ)

Cố Hàn lâm cảm hứng⁽¹⁾ (Dẫn kiến Tiết nghĩa)

[Cảm hứng của quan Hàn lâm cũ (có dẫn trong phần Tiết nghĩa)]

Phiên âm

Kỳ nhất

Bắc phong huê thủ dĩ thù câu,⁽²⁾
Nguyệt sắc thiên sơn ảnh cộng⁽³⁾ cô.
Nhất nhật thập thời tư cố quốc,
Ngũ canh cửu mộng đảo Nam châu.
Bất năng bạch thủy toàn xa lục,
Không tác Trường An lãng⁽⁴⁾ độ phu.
Thượng hữu Đồng Nai công tử tại,
Hà kham thù lệ thán doanh châu.

Dịch thơ

Bài 1

*Cầm tay ai đi trong gió bắc,
Vẻ non bóng nguyệt thấy bơ vơ.
Sáu khắc mười lần thương nước cũ,
Năm canh chín mộng ngắm quê xưa.
Đã không tài cán quay xe lại,
Đành gặng bôn ba đến đế đô.
Còn có Đồng Nai công tử đó,
Sao đành rơi lệ xót hơn thua.*

Phiên âm

Kỳ nhị

Đương sơ hận bất tử trung trinh,
Thiên lý kỳ khu phó ngọc kinh.
Cơ Tử tây hành bi mạch tú,
Văn Sơn bắc độ thán Đình Linh.
Sơn hà cử mục hương tình trọng,

⁽¹⁾ Theo sách *Nam Hà ký văn* của Đặng Trọng An, thủ bản chữ Hán, ký hiệu VHV.02663, Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương, Hà Nội, thi: Năm 1784, vào khoa thi Hội năm Giáp Thìn tổ chức tại Thăng Long, có 4 sĩ tử Đăng Trọng từ Phú Xuân ra kinh dự thi, nhưng đã không làm bài thi, mà chỉ làm 4 bài thơ Vô đề. Sĩ nhân Bắc Hà đã sao chép lại, thưởng thức, ca ngợi tấm lòng hào khí và phong vị của thơ. Trong 4 người ấy, đã xác định có Trần Văn Kỷ.

⁽²⁾ Khảo dị: *Nam Hà ký văn* ghi câu đầu này là “Quan san hồi thủ bạch vân u” (*Non sông ngoáy lại mờ mây trắng*).

⁽³⁾ *Nam Hà ký văn* ghi “ảnh lương cô”.

⁽⁴⁾ *Nam Hà ký văn* ghi “lương độ phu”.

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.
 Dao vọng Ái Châu hà xứ thị,
 Ngô tiên liệt thánh cự phần uynh.

Dịch thơ

Bài 2

*Từ đầu hận chẳng chết trung trinh,
 Ngàn dặm gặp ghềnh tới ngọc kinh.
 Cơ Tử⁽¹⁾ về tây buồn ngô tốt,
 Văn Sơn sang bắc thán Đình Linh.⁽²⁾
 Ngược mắt non sông tình quê nặng,
 Ngẩng đầu chung đỉnh vị đời khinh.
 Xa ngóng Ái Châu nào đâu tá,
 Tổ tiên liệt thánh nắm mồ xanh.*

Phiên âm

Kỳ tam

Thiên tương nhất đài trở giang san,
 Nhị bách dư niên tịch cửu an.
 Bô lệ hữu hoài ngưng thánh trạch,
 Cự thần vô khẩu mạt quyền gian.
 Bất năng tuyệt đỉnh⁽³⁾ Di Tề quỷ,
 Hà sự tân triều phổ⁽⁴⁾ chất quan.
 Hồi tưởng Tiên vương di trạch tại,
 Cố ninh ân nghĩa tác Chu ngoan.

Dịch thơ

Bài 3

*Trời đem một dải chấn giang san,
 Non nước hai trăm năm vững an.
 Dân mọn trông chờ ơn thánh chúa,
 Tôi trung hết giọng mắng quyền gian.
 Không thể non xanh làm Bá, Thúc,
 Làm sao triều mới ghé chúc quan.
 Hồi tưởng công ơn đời Tiên chúa,
 Gắng phô ân nghĩa xứng ngoan dân.*

⁽¹⁾ Cơ Tử là Thái sư của vua Trụ nhà Thương, vì can vua Trụ mà phải vào tù. Khi nhà Chu diệt Trụ mới được thả. Về sau Cơ Tử được phong làm vua ở Cao Ly. Khi trở về thăm lại, thấy trên nền lâu đài cũ chỉ có lúa ngô xanh tốt nên buồn đau.

⁽²⁾ Văn Thiên Tường (1236-1282) hiệu là Văn Sơn, nhà yêu nước đời Nam Tống, có bài thơ nhan đề "Quá Đình Linh Giang", cảm thán về non sông tan nát, phận mình long đong.

⁽³⁾ Khảo đính: *lính* 嶺

⁽⁴⁾ Khảo đính: *hạc* 鶴

Phiên âm

Kỳ tứ

Thời phân, thời hợp, mặt chi hà?
 Nam Bắc tòng lai thị nhất gia.
 Đãng định quan quân ca cổ giốc,
 Bô bôn thần tử khốc sơn hà.
 Dao dao bạch phát vi⁽¹⁾ hà xứ,
 Điều điều đan tâm thỉ mỹ tha.
 Hà hạnh thiên tâm tảo hối họa,
 Miễn giao thương xích hãm can qua.

Dịch thơ

Bài 4

*Lúc phân lúc hợp có chi mà,
 Nam Bắc xưa nay vốn một nhà.
 Đánh dẹp, quan quân ca chiến thắng,
 Trốn chui, tôi cũ khốc sơn hà.
 Xa xăm tóc bạc về đâu nhỉ,
 Đau đầu lòng son chẳng khác ta.
 May được lòng trời thương xót lại,
 Khiến cho con đỡ thoát can qua.*

Diễn, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh là văn của thời Tam đại.⁽²⁾ Thuở ấy lời nói và chính sự của các bậc thiên tử, công khanh đều đúng phép tắc của thầy, nên văn chương lan tỏa ở góc trời. Từ đời Tùy, Trần [Kể: Đường] trở về sau, đều có văn tập lưu hành ở đời. Nhưng nào có ích gì cho đời. Đâu được như ơn trạch của Vương thượng đối với mọi người. Vì thế mà văn chương bất hủ.

⁽¹⁾ Khảo đính: tri 知

⁽²⁾ Đó là các thể văn chính luận của 3 đời Hạ, Thương, Chu.

PHÁP ĐỘ **(Phép tắc - Chế độ)**

Binh chế **(Chế độ binh lính)**

Binh lính, một là lấy người bản huyện tức người huyện Tống Sơn, tổ tiên họ đã có công theo vào Thuận Hóa. Hai là lấy người bản xứ tức người các xứ ở Bắc Hà, tổ tiên họ đã có công theo vào Thuận Hóa. Ba là lấy người Kinh, cũng là người Bắc Hà nhưng không rõ quê quán. Bốn là lấy người Quảng Nam, tục gọi là tinh binh. Năm là lấy người Thuận Hóa, tục gọi là ưu binh. Sáu là lấy người miền núi, phàm người miền núi và người các thuộc quốc mà không theo giặc [cũng được lấy vào lính], nhưng đời đời con cháu họ không được nhập vào dân tịch.

Về thân quân chỉ dùng người bốn huyện, ngoại binh thì dùng người Kinh bốn xứ, hoặc Quảng Nam, Thuận Hóa. Lính Nội phủ dùng người Huế hay người miền núi.

Về ngụ lộc của quan tước, thì từ Cai đội, Cai cơ trở lên được cấp dân. Ngoài ra cấp tiền, cấp thóc gạo hoặc cấp nhiều phu, hoặc cấp ruộng công, hoặc cấp thuế đầu nguồn, tuần ty, chợ đồ.

Lương của ba quân thì mỗi năm phát hai kỳ, đều phát thóc, mỗi năm trừ 2 tháng hành quân theo lệnh chúa, còn 10 tháng khác thì mỗi tháng được phát 1 quan tiền, 1 hộc thóc. Cái hộc ấy gọi là hộc ba quân, lớn hơn so với hộc Nội phủ. Lương của Nội phủ cũng như trên, gọi là hộc Nội phủ, hơi nhỏ.

Việc phát lương theo tháng chỉ căn cứ số hiện diện, chiếu theo thực số các cơ đội ở các dinh và Chính dinh bao nhiêu thì cấp phát. Từ năm Quý Tỵ (1773) trở về sau, ở Quảng Nam dấy việc binh, ngạch cũ binh số hao hụt nhiều, nên cũng có nhiều đơn vị mới thành lập, chưa tra khảo được.

Hộ chế **(Chế độ hộ tịch)**

Thường ba năm là một kỳ “tiểu điển”, sáu năm là một kỳ “đại điển”. Mỗi dinh đều có quan Trấn thủ, quan Ký lục cùng nhau xét duyệt, phê chữ son vào sổ bộ, chuyển nạp cho quan Bộ Hộ ghi vào định ngạch.

Kỳ tiểu điển chỉ duyệt xét người từ 18 tuổi trở lên. Mười tám tuổi trở lên gọi là thành đinh, cho làm dân ghi vào sổ bộ. Sáu mươi tuổi trở lên thì loại thải.

Kỳ đại điển thì duyệt cả các hạng. Trừ các hạng lính, ngoại tiêu sai, lão nhiều, nhiều học, tiểu nhiều và bệnh tật, tàn phế đều được miễn tiền thuế.

Còn các hạng quan viên tử, quan viên tôn, quan viên tráng và cựu xã trưởng cho đến các hạng tráng, cố, cùng, đào, quân dân lão thiếu đều phải đóng các tiền thuế sai dư, cước mẽ, thường tân (cơm mới), tiết liệu (tiền sắm tết). Hàng năm, Ty Tướng Thần Lại sai một người trong bốn ty gọi là Cai thu, cùng với Cai trưng, quan Ký lục và viên chức bốn đường, bốn phủ chiếu theo mà thu. Mỗi phủ, huyện, châu đều có bốn đường (tức nha môn) đặt chức Đề lãnh, Đề đốc, Cai phủ, Phủ ký lục, Cai huyện, Huyện ký lục và đều lấy hào trưởng ở địa phương để làm.

Diền chế (Chế độ ruộng đất)

Quan bốn đường, quan bốn phủ cùng quan Cai thu đều chiếu theo lệ cũ về các huyện, thôn, phường, trang, sách, phụ sách và các tộc [tức tộc bức]⁽¹⁾ của mình để đánh thuế, thu thuế ruộng tính ra bằng số hộ thóc, điền mẽ⁽²⁾ và các loại tiền phụ mẽ, thế điểm [tức các loại tiền phụ thu theo thuế].

Phần lớn mỗi làng đều có công điền, tư điền. Hạng nhất đẳng điền, mỗi mẫu thu điền tô bằng lúa 40 thăng. Hạng nhị đẳng điền thu 30 thăng. Hạng tam đẳng điền thu 20 thăng. Nên gọi là nhất thu bốn, nhì thu ba, ba thu hai, đại khái như thế.

Còn gao điền mẫu và thuế coi ruộng thì thu thóc một phần mười (ruộng hạng nhất gia thêm 4 thăng, hạng nhì 3 thăng, hạng ba 2 thăng) để làm ngụ lộc cho việc trưng thu.

Hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam vốn có nhiều công điền, tính ra suất mà cấp cho dân. Mỗi làng đều chia ruộng, chia đất (cho dân), dù gặp mất mùa cũng không đến nỗi quá đói.

Sau khi loạn lạc, suất đình hao tổn, ruộng nhiều người ít, có kẻ tự bán hoặc cầm cố, có kẻ bỏ hoang.

Làng nào may còn suất đình, thì ruộng lại bị nhà giàu chiếm đoạt. Người nghèo không còn đất cấy dùi. Người giàu càng giàu, kẻ nghèo càng nghèo, đến nỗi tô thuế công thiếu hụt, dân nghèo lưu tán. Phạm Nguyễn Du từng có đơn trình: Xin chiếu theo số dân và ngạch ruộng, tính dân đình để giao ruộng, không cần theo lệ cũ, khiến cho người giàu kẻ nghèo đều có ruộng khẩu phần, tính mỗi suất bao nhiêu mẫu làm hạn định. Và cấm từ nay về sau không được cầm cố cho nhau.

Binh lính, dân chúng và cửa cải là ba điều quan trọng của quốc gia. Lính thì ba đình lấy một lính, cấp ruộng làm lương. Đó là phép đời Thành Chu. Từ thời Công Lưu, Chu Công đã chế tác, theo đó châm chước mà thôi.

⁽¹⁾ Thời chúa Nguyễn, đơn vị “tộc bức” do một vài họ khai thác, nhưng chưa đủ diện tích để thành một phường, thôn, ấp, xã.

⁽²⁾ Điền mẽ: số thóc gao phụ thu trên mỗi mẫu ruộng. Có nơi dùng chữ: gao đầu mẫu.

Từ xưa, binh lính lấy từ dân, mà dân thường khổ trong việc nuôi binh lính. Từ đời Chu đến đầu đời Đường có phép “ngụ binh ư nông”, nên nhà nước không cần có chi phí nuôi binh, lúc ấy binh ngạch cũng chưa từng thiếu. Về sau không đủ lính để làm việc quân, chỉ vì người đời Đường không khéo tổ chức. Đời Đường chiếm đoạt ruộng đất của dân khách hộ bỏ trốn mà không mua, [vua] ra lệnh kiểm tra, các châu huyện nhân đó nhiều phần gian trá, trăm họ khổ sở khôn xiết.

Nước Việt ta có lệ binh bổ từ khi nhà Lê suy, và việc đo ruộng của Tây Sơn, thì dân bị coi kẻ khinh người trọng, dựa đó mà cấp nhiều hay ít. Tệ hại này còn hơn đời Hán, Đường.

Bản triều thì việc binh lính của cải đã có phép tắc, giữ lấy khuôn thước cũ, đủ cho dân yên ổn. Chỉ ngại dân số tăng hay giảm, dao động thật phiền nhiễu. Nay nếu theo đó mà châm chước, việc duyệt tuyển đã định sẵn, ba đình lấy một lính đã quân bình, chiếu theo binh ngạch cũ, mà hạn một năm mới đổi, theo lệ đổi lính thú đời Chu Hán. (Người đời Đường một tháng thì đổi, sợ mất binh số. Hồng Đức năm thứ 3, một lần thay đổi cũng sợ hở buổi đầu). Như thế thì binh lính không đợi tha mà sức dân đã tự khoan thư. Và khiến cho người lính khi nghỉ hưu không cần có phụ lương cũng đã tạm đủ. Dân chẳng khổ về sự phiền nhiễu sớm hôm thúc dòi.

Việc (mua ruộng) chiếu theo lệ thường, mà 5 chuỗi tiền giá một mẫu, bãi bỏ ruộng tư của đời nhà Trần (dân gian được phép mua bán ruộng đất như cũ, nhưng đánh thuế đều chiếu theo lệ công điền), thì có thể lượng trừ, mà không hại việc đánh thuế. Lại cấm cường hào không được cho vay để chiếm ruộng. Dân đâu đến nỗi lo sợ giàu nghèo không đều. Như thế thì dân yên mà nước giàu vậy.

CỔNG PHÚ (Lệ cống nạp, thuế khóa)

Tại xứ Thuận Hóa, nguồn Sái Tuyền,⁽¹⁾ châu Sa Bôi, hai mường Cha Bôn⁽²⁾ và Thượng Kế,⁽³⁾ mỗi năm theo lệ nạp 1 con voi đực, cao 5 thước 5 tấc, vải màn 2 bức, dao đánh lửa 20 con, đá đánh lửa 2 lũ (mỗi lũ 15 cân), vải trắng 20 tấm, tê giác 3 tòa, gạo nếp 100 lũ.

Ở châu Tĩnh An,⁽⁴⁾ hai mường Trầm Bôn⁽⁵⁾ và Hương Khâm, mỗi năm lệ nạp voi đực 1 con, vải trắng 20 tấm, tê giác 2 tòa, gạo nếp 100 lũ.

Sách Lương Thìn⁽⁶⁾ mỗi năm nạp voi đực 1 con.

Ở đạo Mường Vang,⁽⁷⁾ mường Phàm Bông nạp voi đực 1 con, màn vải 1 bức.

Sách Hộ Long, Tôi Ôi nạp gạo nếp 8 lũ.

Sách Làng Tổng mỗi năm vào tháng 5 nạp bí 600 quả.

Sách Lá Mít, Làng Hâm nạp gạo nếp 6 lũ.

Mười một phường Hà Bạc, mỗi năm nạp thuế thân theo 3 hạng: hạng nhất 1 quan 3 mạch, hạng nhì 5 mạch, hạng ba 3 mạch.

Còn các sách Phiêu Thủy, Phù Âu, Ha Ti, Làng Luống, Làng Nông và các tuần Cam Lộ, Hiếu Giang, Cây Lúa, Ngưu Cước, Đồ Kiều [Kđ: Viên Kiệu], Tầm Linh⁽⁸⁾ đều có lệ thuế về thổ sản.

Tại xứ Quảng Nam: Đà La, Phường Tây, Thu Bồn nạp vàng. Trà Vân, Liêm Hộ cũng nạp vàng. Chân Đàn, Phúc Khánh nạp quế và hồ tiêu.

Đèo Bích Than nạp nhựa trám.

Còn Hội An, Hiệp Hòa, Sa Mông, Phường Lễ, Trà Diểu, Bàu Đạm, Làng Trượng, Ba Linh hoặc là nguồn, tuần ty hay đầm vũng đều có lệ thuế thổ sản.

Phủ Gia Định: thuế thóc có 13 trường, tiền thóc ít nhiều có khác. Thường mỗi trường trừ tiền một vạn quan, thóc ba vạn hộ. Tiền thuế các

⁽¹⁾ Đúng ra là Sái Nguyên, do kiêng húy chữ *Nguyên* nên chúa Nguyễn đổi là *Tuyền*.

⁽²⁾ Cha Bôn tức là Sê Pôn ở Lào.

⁽³⁾ Nguyên bản viết Thượng Tô, chúng tôi khảo đính lại là Thượng Kế tức Mường Nong ở Lào.

⁽⁴⁾ Châu Tĩnh An trước có tên là châu Thuận Bình.

⁽⁵⁾ Có chỗ ghi là Trầm Bôn, tức Mường Phong ở Lào.

⁽⁶⁾ Sách Lương Thìn là Mường Phìn ở Lào.

⁽⁷⁾ Mường Vang là một trong chín châu ky mi (ràng buộc lỏng lẻo) ở đất Lào.

⁽⁸⁾ Các tuần ty này đều ở đầu nguồn sông Hiếu và sông Thạch Hãn, Quảng Trị.

loại tàu ghe, nguồn, tuần ty, đầm vũng, chợ dò đến bảy vạn. Còn tiền thuế các hạng gỗ dài lớn, gỗ bổi, gỗ bản, gỗ huỳnh đàn, gỗ cối, gỗ ô tăt, cây gỗ lớn, nhựa trám, đèn sáp vàng và thuyền Trường đà rất nhiều không thể kể xiết.

Trấn Hà Tiên có lệ 3 năm một lần đại cống gồm 3 ngàn quan tiền, mỗi năm một lần tiểu cống gồm hai, ba trăm quan tiền.

Lệ cống phú trong cả nước khởi từ đầu nhà Hạ, không phải đặt ra là để đòi hỏi nơi dân. Long Tử⁽¹⁾ nói rằng: Đất yên trị thì chẳng có gì tốt hơn cống phú, đó là để bảo tồn con người. Nếu đã có được con người thì mới thi hành được cống phú. Nên nói rằng, chẳng có gì tốt hơn lệ cống phú.

⁽¹⁾ Chúng tôi không rõ về nhân vật này.

TÀI LỢI (Tài nguyên)

Bên phải sông lớn ở dinh Phù [Kđ: Phú] Xuân là một dãy kho thóc, đem thóc tô thuế trữ ở đây.

Ở các dinh ngoài thì có kho Trường Dục chứa thóc 15 gian, kho An Trạch⁽¹⁾ chứa thóc 16 gian, và chứa muối 14 gian.

Kho Lai Cách⁽²⁾ chứa thóc 33 gian.

Kho Thạch Hàn⁽³⁾ chứa lúa 33 gian.

(Lúc Việp công vào Nam thì 4 kho trên hiện còn một trăm chín mươi vạn bảy ngàn một trăm năm mươi hai bát thóc).

Kho Nguyệt Áng 1 dãy, kho Thời Lại ở thượng lưu 1 dãy. Bên trái thượng lưu sông Bến Sứ⁽⁴⁾ 1 dãy. Ngoài ra không thể kể xiết.

Tại Gia Định có 13 trường trữ thóc thuế, mỗi vụ nhập số tiền mười ba vạn quan, và thóc bốn mươi vạn học.

Phía nam núi Hải Vân có ngọn núi tên là Duyên Sơn. Dưới núi có trường chì, đặt tuần ty.

[Ngoài] cửa biển Đại Chiêm, giữa biển có dải cát dài gọi tên là Bãi Cát Vàng. Từ cửa biển Đại Chiêm đến dải cát dài ước chừng năm, sáu trăm dặm, rộng ba, bốn mươi dặm trôi lên giữa biển. Mùa gió tây nam thì thuyền của các nước trôi giạt vào ở đây. Đến mùa gió đông bắc từ ngoài vào cũng trôi giạt vào đây, đều bị chết đói, của cải chất chồng. Mỗi năm vào tháng Chạp đem mười tám chiếc thuyền ra lấy. (Có nơi nói: tháng Tư thì ra, tháng Bảy thì về). Nơi này cũng có đồi mồi.⁽⁵⁾

Bên ngoài cửa Đại Quảng⁽⁶⁾ có Cù Lao Ré [tức đảo Lý Sơn] có núi. Núi có dân cư tên là làng An Vãng [tức An Vĩnh], sản xuất nhiều dầu phụng, lại giỏi dệt gấm màu. Lại có núi Lò Du, đặt trường dầu, có tuần ty.

⁽¹⁾ Kho Trường Dục ở huyện Khang Lộc, kho An Trạch ở huyện Lệ Thủy, đều thuộc Quảng Bình.

⁽²⁾ Kho Lai Cách ở huyện Minh Linh, nay thuộc Vĩnh Linh, Quảng Trị.

⁽³⁾ Kho Thạch Hàn, khảo đính là Thạch Hãn, thuộc huyện Hải Lăng, Quảng Trị.

⁽⁴⁾ Sông Bến Sứ ở Phú Yên.

⁽⁵⁾ Cửa biển Đại Chiêm tức cửa Đại, nay thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Bãi Cát Vàng là tên Nôm của quần đảo Hoàng Sa. Đoạn văn này mô tả về quần đảo Hoàng Sa và hoạt động của đội Hoàng Sa dưới thời các chúa Nguyễn. Địa danh Bãi Cát Vàng còn được nhắc đến ở phần Sơn xuyên hình thế và Phong vực.

⁽⁶⁾ Tức cửa Đại Cổ Lũy ở Quảng Ngãi.

Cửa Mỹ Á,⁽¹⁾ bên phải thượng lưu sông có trường sắt, trên núi Lò Phiêu.

Đèo Bàu E, tại đây có núi lớn, chia ra một nhánh chạy xuống. Hai bên bờ sông có núi. Núi có bãi làm vàng, đặt tuần ty ở đó.

Sông Minh Lương, ở thượng lưu bên bờ sông có ngọn núi, sản xuất ra bạc, đặt trường bạc.

Nguồn Cầu Bông có nhiều kỳ nam, có thứ màu vàng, thứ màu tía. Thứ màu đen lại là trầm hương.

Trời có năm chất, không thể dùng hết. Đất có trăm vật cho dân thường dùng. Trăm họ giàu và vua chúa đủ. Tô thuế nộp vào không thể dùng hết.

(Hết quyển hai)

⁽¹⁾ Đại Nam nhất thống chí ghi là cửa Mỹ Ý, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.